

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/KDTM-ST
Ngày: 19-8-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Hải.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải; Ông Vũ Văn Chương.
- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Thủy - Tòa án nhân dân thành phố
Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-
Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 19/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 36/2021/TLST-KDTM ngày 22 tháng 11 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-KDTM ngày 02 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q; địa chỉ trụ sở: 2B, phường H, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Thanh H– Chủ tịch Hội đồng quản trị (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đinh Văn V; địa chỉ: 1H, phường B, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh. Giấy ủy quyền số 141A/2022/UQ-NCB ngày 11-07-2022 (vắng mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH Đầu tư-Xây dựng-Thương mại và Dịch vụ S; địa chỉ: số 8T, phường C, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Thúy Hà - Giám đốc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Đinh Văn V trình bày:

Ngày 21/7/2017, Ngân hàng TMCP Q (viết tắt là Ngân hàng) ký Hợp đồng cho vay số 120/2017/HĐCV-9232 cho Công ty TNHH Đầu tư-Xây dựng-

Thương mại và Dịch vụ S (viết tắt là Công ty) vay số tiền 720.000.000đồng, mục đích vay mua ô tô, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 6,8%/năm áp dụng từ ngày giải ngân đến ngày 21/3/2018, sau đó lãi suất được điều chỉnh theo thỏa thuận tại khế ước nhận nợ.

Khoản vay trên được bảo đảm bằng tài sản thế chấp là ô tô nhãn hiệu Chevrolet, số khung 264EHH945121, số máy LE9170810203, biển số 72A-221.39 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 025109 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 24/7/2017 theo Hợp đồng thế chấp ô tô, phương tiện khác hình thành từ vốn vay số 154/17/HĐTC-9232 ngày 21/7/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01-154/17/HĐSĐBS/HĐTC-9232 ngày 24/7/2017.

Công ty đã nhận đủ số tiền 720.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 01/KUNN/120/17/HĐCV-9232 ngày 21/7/2017.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Công ty đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc 328.158.883 đồng, tiền lãi 107.865.522 đồng. Từ tháng 25/5/2019, Công ty vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu Công ty trả nợ theo thỏa thuận nhưng Công ty không hợp tác, không bàn giao xe ô tô thế chấp để xử lý nợ. Ngày 25/5/2019, Ngân hàng chuyển toàn bộ nợ gốc sang nợ quá hạn với lãi suất 17.25%/năm và áp dụng từ ngày 25/5/2019 đến nay không thay đổi.

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của Ngân hàng yêu cầu:

Buộc Công ty phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 19/8/2022 là 598.104.217 đồng, trong đó: nợ gốc 391.841.167 đồng; nợ lãi trong hạn 85.859.945 đồng; nợ lãi quá hạn 120.403.106 đồng. Từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/8/2022), công ty phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn phát sinh tính từ ngày 20/08/2022 theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay số 120/17/HĐCV/-9232 ngày 21/07/2017 và khế ước nhận nợ 01/KUNN/120/17/HĐCV-9232 cho đến khi công ty trả hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là ô tô nhãn hiệu Chevrolet, số khung 264EHH945121, số máy LE9170810203, biển số 72A-221.39 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 025109 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 24/7/2017 đứng tên Công ty TNHH Đầu tư-Xây dựng-Thương mại và Dịch vụ S để thu hồi nợ.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập, thông báo thụ lý vụ án và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt và

không có ý kiến gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn hai lần tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn giải quyết vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng quy định.

- Về nội dung vụ án: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đủ căn cứ chấp nhận toàn yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, tuyên buộc Công ty phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 19/8/2022 là 598.104.217 đồng, trong đó: nợ gốc 391.841.167 đồng, nợ lãi trong hạn 85.859.945 đồng; nợ lãi quá hạn 120.403.106 đồng. Từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/8/2022), Công ty phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay số: 120/17/HĐCV/9232 ngày 21/07/2017 và khế ước nhận nợ 01/KUNN/120/17/HĐCV – 9232, cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp đã ký giữa hai bên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật:* Ngân hàng và Công ty đều là tổ chức có đăng ký kinh doanh ký Hợp đồng cho vay số 120/2017/HĐCV-9232 ngày 21/7/2017 vì mục đích lợi nhuận nên xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn có địa chỉ trụ sở tại thành phố Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về xác định địa chỉ của bị đơn:* Hợp đồng cho vay số 120/2017/HĐCV-9232 ngày 21/7/2017 ghi địa chỉ Công ty tại số 813 Trương Công Định, phường 9, thành phố Vũng Tàu. Tại văn bản số 1428/CV-ĐKKD ngày 14/7/2022 của Phòng đăng ký kinh doanh, sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xác định Công ty có địa chỉ trụ sở chính tại số 8T, phường C, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Tại kết quả xác minh ngày 29/12/2021 của Công an Phường C, thành phố Vũng Tàu xác định Công ty không còn hoạt động tại địa chỉ trên, bà Trần Thị Thúy H-là người đại diện theo pháp luật của Công ty không còn cư trú tại địa chỉ 7T, phường C, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Căn cứ Khoản 3 Điều 40, điểm b Khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự, điểm a, Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, việc Công ty cung cấp địa chỉ tại thời điểm ký kết hợp đồng, khi thay đổi địa chỉ không thông báo cho Ngân hàng biết nên thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, do đó Tòa án xác định địa chỉ của bị đơn số 8T, phường C, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu làm căn cứ giải quyết vụ án.

[1.3] *Về thủ tục xét xử vắng mặt:* Nguyên đơn có đơn giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt

không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với Hợp đồng tín dụng: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ Hợp đồng cho vay số 120/2017/HĐCV-9232 ngày 21/7/2017, Khế ước nhận nợ số 01/KUNN/120/17/HĐCV-9232 ngày 21/7/2017 đủ cơ sở xác định Công ty có vay của Ngân hàng số tiền 720.000.000đồng, mục đích vay mua ô tô, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất: 6,8%/năm áp dụng từ ngày giải ngân đến ngày 21/3/2018, sau đó lãi suất được điều chỉnh theo thỏa thuận tại khế ước nhận nợ. Hợp đồng cho vay số 120/2017/HĐCV-9232 ngày 21/7/2017 có đủ các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, công ty đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ gốc 328.158.883 đồng, tiền lãi 107.865.522 đồng. Từ tháng 25/5/2019, công ty vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu công ty trả nợ theo thỏa thuận nhưng công ty không hợp tác, không bàn giao xe ô tô thế chấp để xử lý nợ. Ngày 25/5/2019, Ngân hàng chuyển toàn bộ nợ gốc sang nợ quá hạn với lãi suất 17.25%/năm và áp dụng từ ngày 25/5/2019 đến nay không thay đổi là đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và phù hợp với quy định pháp luật.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc công ty phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 19/8/2022 là 598.104.217 đồng, trong đó: nợ gốc 391.841.167 đồng; nợ lãi trong hạn 85.859.945 đồng; nợ lãi quá hạn 120.403.106 đồng. Từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/8/2022), Công ty phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay số 120/17/HĐCV-9232 ngày 21/07/2017 và khế ước nhận nợ 01/KUNN/120/17/HĐCV-9232, cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng là đúng với thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay đã ký giữa hai bên, phù hợp với các tài liệu chứng cứ trong vụ án, phù hợp các quy định tại Điều 280, Điều 357, Điều 466 Bộ luật Dân sự, Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng, Khoản 4 Điều 13, Điều 20, Khoản 1 Điều 21 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30-12-2016, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 nên chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ: Xét hợp đồng thế chấp ô tô, phương tiện khác hình thành từ vốn vay số 154/17/HĐTC-9232 ngày 21/7/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01-154/17/HĐSĐBS/HĐTC-9232 ngày 24/7/2017 thì thấy tài sản thế chấp đã được đăng ký tại Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng số CE17046952BD ngày 21/7/2017 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng nên hợp đồng thế chấp có hiệu lực bảo đảm cho nghĩa vụ của công ty tại Ngân hàng. Vì vậy, trường hợp công ty không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp quy định tại Điều 299, Điều 301 Bộ luật dân sự.

Tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, số khung

264EHH945121, số máy LE9170810203, biển số 72A-221.39 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 025109 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 24/7/2017, ngân hàng xác định hiện nay chiếc xe do Công ty TNHH Đầu tư-Xây dựng-Thương mại và Dịch vụ S đang quản lý và sử dụng. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu công ty giao xe để xử lý thu hồi nợ, Tòa án đã có thông báo về việc yêu cầu công ty mang xe đến để tiến hành xem xét tình trạng xe tuy nhiên công ty không mang xe đến nên Tòa án không tiến hành xem xét được tình trạng của xe.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tuy nhiên bị đơn đều vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không giao nộp tài liệu chứng cứ và không có ý kiến về tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp là từ bỏ quyền chứng minh và phải chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Chi phí tố tụng khác: Công ty phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí sao lục hồ sơ là 3.000.000 đồng. Ngân hàng đã nộp tạm ứng nên Công ty phải trả lại cho Ngân hàng số tiền 3.000.000 đồng.

[5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí:

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số nợ phải trả 598.104.217 đồng là 27.924.169 đồng.

- Ngân hàng không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 40, Điều 280, Điều 288, Điều 357, Điều 466 Bộ luật Dân sự, Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng, Khoản 4 Điều 13, Điều 20, Khoản 1 Điều 21 Thông tư 39/2016/TT-NHNN; Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng với Công ty TNHH Đầu tư-Xây dựng-Thương mại và Dịch vụ S.

1. Buộc Công ty TNHH Đầu tư-Xây dựng-Thương mại và Dịch vụ S phải trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tính đến ngày 19-8-2022 là 598.104.217 đồng (Năm trăm chín mươi tám triệu một trăm lẻ bốn ngàn hai trăm mười bảy đồng), trong đó: nợ gốc 391.841.167 đồng, nợ lãi trong hạn 85.859.945 đồng; nợ lãi quá hạn 120.403.106 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19-8-2022) cho đến

khi trả hết nợ, Công ty TNHH Đầu tư-Xây dựng-Thương mại và Dịch vụ S phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 120/2017/HĐCV-9232 ngày 21/7/2017.

2. Trường hợp Công ty TNHH Đầu tư-Xây dựng-Thương mại và Dịch vụ S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, số khung 264EHH945121, số máy LE9170810203, biển số 72A-221.39 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 025109 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 24/7/2017 theo Hợp đồng thế chấp ô tô, phương tiện khác hình thành từ vốn vay số 154/17/HĐTC-9232 ngày 21/7/2017 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01-154/17/HĐSĐBS/HĐTC-9232 ngày 24/7/2017.

3. Chi phí tố tụng khác: Công ty TNHH Đầu tư-Xây dựng-Thương mại và Dịch vụ S phải trả lại cho Ngân hàng số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, sao lục hồ sơ.

4. Án phí kinh doanh thương mại: Công ty TNHH Đầu tư-Xây dựng-Thương mại và Dịch vụ S phải chịu 27.924.169 đồng (Hai mươi bảy triệu chín trăm hai mươi bốn ngàn một trăm sáu mươi chín đồng) tiền án phí sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q 12.413.000 đồng (mười hai triệu bốn trăm mười ba ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001456 ngày 18-11-2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND TP.Vũng Tàu;
- Chi cục THA TP.Vũng Tàu;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Minh Hải

**THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN**

Nguyễn Đắc Liệt Vũ Văn Chương

Ngô Thị Minh Hải

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND TP.Vũng Tàu;
- Chi cục THA TP.Vũng Tàu;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Minh Hải